

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 7 - 2022

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn,
Nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh An.
2. Bà Huỳnh Thị Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Ngọc M - Sinh năm: 1983 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện Đ, tỉnh G;

2. *Bị đơn:* Anh Võ Văn T - Sinh năm: 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh G;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc M trình bày:*

Chị và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 06/5/2002 tại UBND xã P. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên nhậu, chị khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả, ngoài ra anh T còn

không biết lo kinh tế gia đình nên từ năm 2016 đến nay chị và anh T đã sống ly thân. Nay tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 23/6/2005; Võ Văn Q, sinh ngày 25/7/2007. Hiện tại cháu H và cháu Q đang do chị nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H và cháu Q.

Về tài sản chung: Chị xác định không có.

Về nợ chung: Chị xác định không có.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Võ Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh T không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Ngọc M được ly hôn với anh Võ Văn T.

Về con chung: Giao cháu Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 23/6/2005 và cháu Võ Văn Q, sinh ngày 25/7/2007 cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị M yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh T nên căn cứ quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Anh T hiện đang cư trú tại địa chỉ ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh G. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

[3] *Về thủ tục tố tụng của Tòa án*: Tại phiên tòa, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Thị Ngọc M và anh Võ Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 06/5/2002, được cấp giấy chứng nhận kết

hôn số 08 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp.

Theo trình bày của chị M xác định giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn vào năm 2015, nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu, chị khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả, ngoài ra anh T không biết lo kinh tế gia đình nên từ năm 2016 đến nay chị và anh T đã sống ly thân. Anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc. Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh T không còn khả năng hàn gắn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị M trình bày anh chị có 02 con chung tên Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 23/6/2005; Võ Văn Q, sinh ngày 25/7/2007. Hiện cháu H và cháu Q đang do chị M trực tiếp nuôi và có nguyện vọng được sống với mẹ; anh T chưa có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H và cháu Q cho chị M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh T chưa có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung: Chị M trình bày anh chị không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Về nợ chung: Chị M trình bày anh chị không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Ngọc M được ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về con chung: Chị Đặng Thị Ngọc M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 23/6/2005 và cháu Võ Văn Q, sinh ngày 25/7/2007.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

2. Về án phí: Chị M phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008173 ngày 28/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Chị M đã nộp xong án phí.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị M, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện Đ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

Nơi nhận:

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Phú Tân, huyện TPĐ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Đặng Văn Lắm

